

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST

Ngày: 11-3-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Hợp
2. Ông Nguyễn Văn Kiện

**Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ

Địa chỉ: Phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lưu Thị Đ, chức vụ Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Phước T, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: , Kp.4, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**2. Bị đơn:** Anh Danh T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Danh Th, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Đ trình bày như sau:*

Vào ngày 13-6-2014 anh Danh T có mua trả góp tại Công ty TNHH Thương mại Đ 01 xe máy hiệu Wave RSX (màu đen đỏ), biển số 68C1-176.91, theo Hợp đồng mua

xe trả góp ngày 13-6-2014. Tổng giá trị hợp đồng là 10.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời gian góp là 12 tháng, đến ngày 13-5-2015 là hết hạn hợp đồng. Theo nội dung hợp đồng mua xe trả góp thì hàng tháng anh Danh T là người mua xe và ông Danh Th có trách nhiệm góp cho công ty tiền gốc và lãi hàng tháng vào ngày 13 dương lịch với số tiền gốc 833.000 đồng nhưng anh T và ông Th không thực hiện đúng theo hợp đồng. Từ ngày mua xe cho đến ngày 12-11-2018 anh T thanh toán được 04 lần tiền cho công ty với số tiền gốc là 3.332.000 đồng. Tính từ ngày 12-11-2018 cho đến ngày 03-12-2020, anh T còn nợ tiền mua xe của công ty với số tiền gốc là 6.668.000 đồng và tiền lãi là 3.343.000 đồng. Tổng cộng là 10.011.000 đồng. Nhân viên công ty có đến nhà nhắc nợ nhiều lần anh T và ông Th hẹn nhưng không thanh toán.

Tại phiên tòa ông Lưu Phước T đại diện nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 3.343.000 đồng.

Nay Công ty TNHH thương mại Đ chỉ yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho công ty số tiền nợ mua xe trả góp là 6.668.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Trường hợp anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu ông Th phải chịu trách nhiệm liên đới cùng anh T trả cho công ty số tiền trên.

*Bị đơn anh Danh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Danh Th:* Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa anh T và ông Th vắng mặt.

*\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Vi phạm thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 02-01-2021 Công ty TNHH Thương mại Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ông Danh T trả nợ tiền mua xe cho công ty. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Danh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Danh Th không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy

quyền của nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Vào ngày 13-6-2014 anh Danh T có mua trả góp tại Công ty TNHH Thương mại Đ 01 xe máy hiệu Wave RSX (màu đen đỏ), biển số 68C1-176.91, theo Hợp đồng mua xe trả góp ngày 13-6-2014. Tổng giá trị hợp đồng là 10.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2%/tháng, thời gian góp là 12 tháng. Anh T và ông Th có trách nhiệm trả cho công ty Đ số tiền gốc 833.000 đồng và lãi hàng tháng vào ngày 13 dương lịch.

Qua xem xét, đánh giá, Hội đồng xét xử nhận định hợp đồng mua bán tài sản nêu trên được hai bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Thương mại Đ đã thực hiện nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua. Tuy nhiên, anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua tài sản, đến ngày 12-11-2018 anh T chỉ thanh toán cho công ty với số tiền gốc là 3.332.000 đồng, lãi là 2.113.000 đồng; sau đó thì ngưng không thanh toán tiền nữa.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bị đơn anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Th không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản nợ nguyên đơn yêu cầu thanh toán hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Như vậy, xem như anh T và ông Th đã mặc nhiên thừa nhận các tài liệu chứng cứ do công ty Đ cung cấp cho Tòa án là hợp lệ. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của công ty Đ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của công ty Đ trường hợp anh T không trả được nợ thì ông Th phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho công ty Đ thay anh T. HĐXX xét thấy tại điều 2 của hợp đồng mua bán xe và giấy nhận nợ thể hiện: *“Khi bên A không trả được nợ cho bên B vì bất kỳ lý do gì thì ông Danh Th phải thực hiện trách nhiệm trả nợ thay...”*. Do đó, anh T không thanh toán đầy đủ nợ cho công ty thì ông Th phải có trách nhiệm trả nợ thay anh T.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 3.343.000 đồng. Xét yêu cầu của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Căn cứ các điều 428, 431 và 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh T trả cho nguyên đơn số tiền mua xe còn nợ là 6.668.000 đồng.

[4] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số nợ phải trả cho nguyên đơn là:  $6.668.000 \text{ đồng} \times 5\% = 333.400 \text{ đồng}$ .

Công ty TNHH Thương mại Đ không phải chịu án phí; Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001471 ngày 20-01-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 428, 431 và 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Đ.

**2.** Buộc anh Danh T có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Thương mại Đ số tiền 6.668.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Trường hợp anh Danh T không trả được nợ cho Công ty TNHH Thương mại Đ thì buộc ông Danh Th phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay anh T số tiền 6.668.000 đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH Thương mại Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không trả số tiền trên thì còn phải trả cho công ty khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**3.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 3.343.000 đồng.

**4.** Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Danh T có nghĩa vụ nộp án phí là 333.400 đồng (Ba trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0001471 ngày 20-01-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

**5. Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Xuân**

